

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 85/2021/HS-ST
Ngày 16/11/2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Kim Niệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Thành Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Đình Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Phạm Thị Ngọc Q, sinh năm 1976 tại Bến Tre; nơi cư trú: Ấp a, xã T H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Qu (đã chết) và bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1949; bị cáo có chồng Vương Văn K, có 03 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: Phạm Ngọc T, sinh năm 1986 tại Bến Tre; nơi cư trú: Ấp a, xã T H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Qu (đã chết) và bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1949; bị cáo có vợ Trần Thị Bạch H, sinh năm 1989, có 02 người con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3/ Họ và tên: Trần Thị Bạch H, sinh năm 1989 tại An Giang; nơi cư trú: Ấp a, xã T H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M (đã chết) và bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1954; bị cáo có chồng Phạm Ngọc

T, sinh năm 1986, có 02 người con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4/ Họ và tên: Lê Thị Mộng C, sinh năm 1965 tại Bình Dương; nơi cư trú: Ấp V, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 (đã chết) và bà Ngô Thị G (đã chết); bị cáo có chồng Nguyễn Văn H2, sinh năm 1967, có 04 người con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5/ Họ và tên: Nguyễn Văn Bé T1, sinh năm 1963 tại Bến Tre; Hộ khẩu thường trú: Số x, ấp K, xã P H, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp Đ, xã T L, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D (đã chết) và bà Lê Thị Nh, sinh năm 1941; bị cáo có vợ Nguyễn Thị R (đã chết), bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

6/ Họ và tên: Huỳnh Thị B, sinh năm 1954 tại An Giang; Hộ khẩu thường trú: Ấp M T, thị trấn M L, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp a, xã T H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hoá: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Nh1 (đã chết) và bà Trần Thị B5 (đã chết); bị cáo có chồng Trần Văn M (đã chết), có 06 người con, lớn sinh năm 1980, nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

7/ Họ và tên: Nguyễn Vũ E, sinh năm 1987 tại An Giang; Hộ khẩu thường trú: Ấp B T, xã B M, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp a, xã T H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị Kim T3 (đã chết); bị cáo có vợ Trần Thị Bích H3; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 06/6/2021, Phạm Ngọc T, Trần Thị Bạch H, Lê Thị Mộng C, Nguyễn Văn Bé T1, Huỳnh Thị B và Nguyễn Vũ E đến nhà Phạm Thị Ngọc Q thuộc Ấp a, xã T H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương chơi. Tại đây, bị cáo Phạm Thị Ngọc Q rủ các bị cáo khác cùng nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức chơi xì zách, cách thức chơi như sau: Các bị cáo sử dụng bộ bài tây 52 lá, những người chơi sẽ đặt tiền trước khi chia bài, sau đó người làm cái chia cho mỗi người chơi 02 lá, số

bài còn lại để trên một chiếc đĩa bằng sứ để người chơi tham gia rút bài theo thứ tự từng người chơi, người chơi xem 02 lá bài của mình rồi cộng điểm nếu đủ điểm thì thôi nếu còn thiếu chưa đủ điểm thì sẽ tham gia rút bài trên đĩa cho đến khi đủ điểm (từ 15 đến 21 điểm hoặc xì zách là có 01 con Át với 01 trong các con bài 10, J, Q, K hoặc xì bàn là có 02 con Át). Người làm cái sẽ xét bài của từng người chơi và so sánh với bài của mình để biết thắng thua, nếu bài của người chơi cao điểm hơn nhà cái thì nhà cái thua và nhà cái sẽ phải trả cho người chơi số tiền mà họ đã đặt trước và ngược lại. Mỗi ván các con bạc đặt cược tiền từ 50.000đồng đến 100.000đồng, khi người chơi nào xì zách thì sẽ có quyền làm cái và trích ra 20.000đồng đưa cho Phạm Thị Ngọc Q để mua bài. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày khi đang chơi thì bị bắt quả tang.

Tang vật thu giữ tại chiếu bạc: 02 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; 03 bộ bài tây chưa qua sử dụng; 01 đĩa bằng sứ; số tiền 5.500.000 đồng trên chiếu bạc; thu giữ trên người Huỳnh Thị B số tiền 2.300.000đ

Quá trình điều tra xác định các bị cáo mang theo số tiền dùng để đánh bạc như sau:

1. Phạm Thị Ngọc Q mang theo 250.000 đồng ;
2. Nguyễn Văn Bé T1 mang theo 400.000 đồng;
3. Lê Thị Mộng C mang theo 3.000.000 đồng;
4. Huỳnh Thị B mang theo 1.500.000 đồng;
5. Trần Thị Bạch H và chồng Phạm Ngọc T mang theo 1.500.000 đồng;
6. Nguyễn Vũ E mang theo 2.000.000 đồng ;

Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 8.650.000đ

Tại Bản cáo trạng số 72/CT-VKSPG ngày 23/8/2021 truy tố các bị cáo Phạm Thị Ngọc Q, Phạm Ngọc T, Trần Thị Bạch H, Lê Thị Mộng C, Nguyễn Văn Bé T1, Huỳnh Thị B, Nguyễn Vũ E về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Thị Ngọc Q, Phạm Ngọc T, Trần Thị Bạch H, Lê Thị Mộng C, Nguyễn Văn Bé T1, Huỳnh Thị B, Nguyễn Vũ E trình bày:

Khoảng 15 giờ ngày 06/6/2021, tại nhà bị cáo Phạm Thị Ngọc Q, tại Ấp a, xã T H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương các bị cáo đã có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức chơi xì zách tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 8.650.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu lời luận tội đối với các bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Ngọc Q, Phạm Ngọc T, Trần Thị Bạch H, Lê Thị Mộng C, Nguyễn Văn Bé T1, Huỳnh Thị B, Nguyễn Vũ E phạm tội “Đánh bạc” và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Phạm Thị Ngọc Q từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Bị cáo Phạm Ngọc T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Bị cáo Trần Thị Bạch H từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Bị cáo Lê Thị Mộng C từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Bị cáo Nguyễn Văn Bé T1 từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Bị cáo Huỳnh Thị B từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Bị cáo Nguyễn Vũ E từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Hình phạt bổ sung: Không.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị HĐXX tuyên:

+ Tịch thu tiêu huỷ: 02 (hai) bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; 03 (ba) bộ bài tây 52 lá chưa sử dụng.

+ Sung vào ngân sách Nhà nước: Số tiền 7.800.000 đồng (bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

- Về trách nhiệm dân sự: Không

Trong phần tranh luận các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thống nhất tội danh, mức hình phạt, không tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Phạm Thị Ngọc Q, Phạm Ngọc T, Trần Thị Bạch H, Lê Thị Mộng C, Nguyễn Văn Bé T1, Huỳnh Thị B, Nguyễn Vũ E: Các bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, các bị cáo ăn năn hối cải nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Thị Ngọc Q, Phạm Ngọc T, Trần Thị Bạch H, Lê Thị Mộng C, Nguyễn Văn Bé T1, Huỳnh Thị B, Nguyễn Vũ E khai nhận hành vi phạm tội như sau: Khoảng 13 giờ ngày 06/6/2021, tại nhà bị cáo Phạm Thị Ngọc Q thuộc Ấp a, xã T H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, các bị cáo đã có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức chơi xì zách tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 8.650.000đồng. Tuy nhiên, trong qua trình đánh bạc có 02 người đàn ông chưa rõ nhân thân lai lịch tham gia chơi bạc được một thời gian thì bỏ về nên Công an xã bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc chỉ còn 7.800.000đồng.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tang vật của vụ án và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận các bị cáo Phạm Thị Ngọc Q, Phạm Ngọc T, Trần Thị Bạch H, Lê Thị Mộng C, Nguyễn Văn Bé T1, Huỳnh Thị B, Nguyễn Vũ E phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng số 72/CT-VKSPG ngày 23/8/2021 của VKSND huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 của Bộ luật Hình sự.

Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi đánh bạc được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 8.650.000đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Hành vi đánh bạc là một tệ nạn xã hội, xâm phạm đến trật tự nếp sống văn minh của xã hội. Bản thân các bị cáo là những người có sức khỏe, có gia đình và công việc ổn định, lẽ ra các bị cáo phải biết chăm lo làm ăn, nuôi sống bản thân và gia đình nhưng các bị cáo lại phạm tội. Hành vi của các bị cáo không những ảnh hưởng đến an ninh trật tự ở địa phương mà còn là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

HĐXX xét thấy, đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, bị cáo Phạm Thị Ngọc Q phạm tội với vai trò là người rủ rê và thực hành tích cực lôi kéo các bị cáo khác vào tham gia đánh bạc, các bị cáo còn lại giữ vai trò là người thực hành tích cực, bị cáo Cường, Vũ Em dùng số tiền đáng bạc lớn hơn các bị cáo khác. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo Phạm Thị Ngọc Q, Cường, Vũ Em mức án cao hơn các bị cáo khác và áp dụng mức hình phạt đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Ngoài ra, các bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nên HĐXX quyết định cho các bị cáo được hưởng hình phạt tù có điều kiện theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng răn đe, cải tạo bị cáo, khuyến khích bị cáo tự tu dưỡng và lao động tại cộng đồng với sự giúp đỡ của gia đình và xã hội.

[4] Xét mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên HĐXX chấp nhận.

[5] Ý kiến, lời nói sau cùng của các bị cáo về tội danh, về hình phạt là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện, nhân thân của các bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Đối với hành vi đánh bạc của 02 đối tượng tham gia đánh bạc đã bỏ về trước đó (chưa xác định được nhân thân lai lịch), Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo sẽ tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau. Viện kiểm sát không đề cập đến nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[8] Về việc xử lý vật chứng:

- Số tiền 7.800.000 đồng tịch thu tại chiếu bạc và trên người bị cáo Bảy là tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- 02 (hai) bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; 03 (ba) bộ bài tây 52 lá chưa sử dụng; 01 đĩa băng sứ đây là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Ngọc Q, Phạm Ngọc T, Trần Thị Bạch H, Lê Thị Mộng C, Nguyễn Văn Bé T1, Huỳnh Thị B, Nguyễn Vũ E phạm tội “Đánh bạc”.

1. Về hình phạt:

1.1 Xử phạt bị cáo Phạm Thị Ngọc Q 12 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai bốn) tháng kể từ ngày tuyên án 16/11/2021.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.2 Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án 16/11/2021.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.3 Xử phạt bị cáo Trần Thị Bạch H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án 16/11/2021.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.4 Xử phạt bị cáo Lê Thị Mộng C 12 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai bốn) tháng kể từ ngày tuyên án 16/11/2021.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.5 Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Bé T1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án 16/11/2021.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T L, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.6 Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị B 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án 16/11/2021.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.7 Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ E 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án 16/11/2021.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 7.800.000 đồng (hai triệu không trăm chín mươi nghìn đồng);

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; 03 (ba) bộ bài tây 52 lá chưa sử dụng; 01 đĩa băng sứ.

(Theo Giấy ủy nhiệm chi ngày 06/9/2021, đơn vị trả tiền: Công an huyện Phú Giáo, đơn vị nhận tiền: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/8/2021 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Giáo với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Phạm Thị Ngọc Q, Phạm Ngọc T, Trần Thị Bạch H, Lê Thị Mộng C, Nguyễn Văn Bé T1, Huỳnh Thị B, Nguyễn Vũ E mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; (1)
- PV06 Công an tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND huyện Phú Giáo; (1)
- Công an huyện Phú Giáo; (2)
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo; (1)
- Những người tham gia tố tụng; (7)
- Lưu hồ sơ, VP. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hiên